TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 438/2023/DS-ST. Ngày: 06-12-2023. V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần **Kim Chi**.

2. Ông **Huỳnh Hồng Lợi**.

- **Thư ký phiên tòa**: Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên toà: không tham gia.

Ngày 06 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2023/QĐXXST-DS ngày 03/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 123/2023/QĐST-DS ngày 20/11/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ung Thị N, sinh năm 1955.

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

- Bị đơn: Lê Thị Kim C, sinh năm 1969.

Địa chỉ: khu phố B, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

(Bà N có đơn xin vắng mặt, bà C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Ung Thị N trình bày**:

Vào ngày 05/6/2020 (Âm lịch) tôi có cho bà Lê Thị Kim C, sinh năm 1969. Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh T vay số tiền là 25.800.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, từ khi cho vay cho đến nay không có trả tiền lãi nào, gốc cũng không có trả.

Tiếp theo đến ngày 12/6/2021 (Âm lịch) tôi có cho bà Lê Thị Kim C vay tiếp số tiền là 1.000.000 đồng,lãi suất 10%/tháng, từ khi vay tới nay không có trả

lãi, không có trả gốc.

Cả hai biên nhận này đều do tôi viết, bà Chi có ký tên ghi họ tên, có lăn tay, các dấu lăn tay này đều là của bà C. Hiện nay bà C nợ tôi tổng số nợ là 26.800.000 đồng.

Nay tôi yêu cầu:

- Bà Lê Thị Kim C trả số tiền vốn là 25.800.000 đồng (Hai mươi lăm triệu tám trăm ngàn đồng) và tiền lãi theo lãi suất là 1,66%/tháng tính từ ngày 06/6/2020 (Âm lịch), tức là ngày 26/7/2020 (Dương lịch) đến khi xét xử.

Đối với số số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tôi yêu cầu trả số tiền gốc là 1.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 13/6/2021 âm lịch, tức là ngày 22/7/2021 Dương lịch, cho đến khi xét xử.

Yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

*Bị đơn bà Lê Thị Kim C vắng mặt, bà Chi đã được tòa án tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà C không đến, cũng không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa bà Ung Thị N và bà Lê Thị Kim C là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Nguyên đơn bà Ung Thị N có đơn xin vắng mặt xét xử, bị đơn bà Lê Thị Kim C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà N, bà C.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Ung Thị N yêu cầu:

Bà Lê Thị Kim C trả số tiền vốn là 25.800.000 đồng (Hai mươi lăm triệu tám trăm ngàn đồng) và tiền lãi theo lãi suất là 1,66%/tháng tính từ ngày 06/6/2020 (Âm lịch), tức là ngày 26/7/2020 (Dương lịch) đến khi xét xử.

Đối với số số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) bà N yêu cầu trả số tiền gốc là 1.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 13/6/2021 âm lịch, tức là ngày 22/7/2021 Dương lịch, cho đến khi xét xử.

Yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử nhận thấy rằng: Bà N khởi kiện cung cấp tài liệu, chứng cứ là: "Giấy mượn tiền ngày 05/6/2020 âm lịch" do bà N viết, bà C ký tên, ghi họ tên và "Giấy mượn tiền ngày 12/6/2021 âm lịch", bà N viết, bà C ký tên, ghi họ tên. Thể hiện nội dung bà C có vay của bà N theo giấy mượn tiền ngày

05/6/2020 âm lịch số tiền là 25.800.000 đồng và sau đó đến ngày 12/06/2021 âm lịch bà C có vay tiếp của bà N thêm số tiền 1.000.000 đồng. Bà N trình bày từ khi vay tiền cho đến nay thì bà Chi không có trả cho bà được số tiền gốc và lãi nào. Bà C trong suốt quá trình Tòa án giải quyết, đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bà Chi nhiều lần nhưng bà C vẫn không đến, xem như bà C đã từ bỏ quyền chứng minh của bà C. Hội đồng xét xử nhận thấy rằng, xét yêu cầu của bà N yêu cầu bà C trả lại cho bà tổng số tiền gốc theo hai biên nhận là 26.800.000 đồng (Hai mươi sáu triệu, tám trăm ngàn đồng) là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4]. Xét yêu cầu trả lãi:

[4.1]. Đối với số tiền là 25.800.000 đồng (Hai mươi lăm triệu tám trăm ngàn đồng) thì bà Nhãn yêu cầu bà C trả tiền lãi theo lãi suất là 1,66%/tháng tính từ ngày 06/6/2020 (Âm lịch), tức là ngày 26/7/2020 (Dương lịch) đến khi xét xử, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng yêu cầu này của bà N không được chấp nhận do đã hết thời hiệu yêu cầu tính lãi.

[4.2]. Đối với số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) bà N yêu cầu bà C trả tiền lãi tính từ ngày 13/6/2021 âm lịch, tức là ngày 22/7/2021 Dương lịch, cho đến khi xét xử, với lãi suất 1,66%/tháng, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng yêu cầu này của bà N là còn trong thời hiệu yêu cầu nên cần chấp nhận yêu cầu này của bà N, buộc bà C có nghĩa vụ trả lãi cho bà N số tiền lãi là đồng 472.546 đồng (Bốn trăm bảy mươi hai ngàn, năm trăm bốn mươi sáu đồng).

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N nên bà N phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Tuy nhiên do bà N là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí. Bà C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

<u>Xử</u>: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ung Thị N.

- Buộc bà Lê Thị Kim C có nghĩa vụ trả cho bà Ung Thị N số tiền là 27.272.546 đồng (Hai mươi bảy triệu, hai trăm bảy mươi hai ngàn, năm trăm bốn mươi sáu đồng, trong đó gốc là 26.800.000đồng, lãi là 472.546đồng).

Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà N cho đến khi thi hành án xong, bà C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

+ Do bà Ung Thị N là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí án phí nên không phải hoàn lại tiền án phí.

+ Bà Lê Thị Kim C phải chịu số tiền là 1.363.627 đồng (Một triệu, ba trăm sáu mươi ba ngàn,sáu trăm hai mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Thanh Trinh